

TẠI SAO THẾ GIỚI KHÔNG PHẪNG³

PANKAJ GHEMAWAT^(*). **Why the world isn't flat.** *Foreign policy*. Mar/Apr 2007, 54-60 p.

VÂN HÀ
dịch

Những ý tưởng sẽ lan toả nhanh hơn, vượt ra khỏi các đường biên giới. Các nước nghèo sẽ được tiếp cận những thông tin mà trước đây chỉ hạn chế trong thế giới công nghiệp và nếu có, cũng chỉ luôn đi chậm chạp bên ngoài những thông tin đó. Tất cả cử tri sẽ biết đến những điều mà trước kia chỉ một số viên chức được biết. Những công ty nhỏ sẽ đưa ra những dịch vụ mà trước kia chỉ những công ty lớn mới có thể cung cấp. Trong những phương diện trên, cuộc cách mạng truyền thông thực sự rất dân chủ và tự do, đã phá bỏ sự bất bình đẳng giữa nước lớn và nhỏ, nước giàu và nghèo. Viễn cảnh toàn cầu mà Frances Cairncross đã dự đoán trong cuốn sách *Sự tan vỡ khoảng cách (Death of Distance)* của bà dường như phụ thuộc vào chính chúng ta. Có lẽ chúng ta đang sống trong một thế giới sẽ không còn là một tập hợp các quốc gia độc lập, “mang tính địa phương” được chia tách một cách sâu sắc bởi những hàng rào thuế quan, những mạng lưới các phương tiện truyền thông cũ kĩ và sự nghi kỵ lẫn nhau. Nếu bạn tin vào những người đề xướng toàn cầu hoá nổi tiếng nhất, thì đó là một thế giới

đang ngày càng gắn kết, hiểu biết lẫn nhau, tốt đẹp và “bằng phẳng”.

Thật là một ý tưởng hấp dẫn. Và nếu các xu hướng xuất bản có biểu lộ bất cứ dấu hiệu gì, thì toàn cầu hoá không chỉ cho thấy sự chuyển đổi mạnh mẽ về chính trị và kinh tế; nó cho thấy công nghiệp địa phương đang bùng nổ. Theo danh mục liệt kê của Thư viện Quốc hội Mỹ, vào những năm 1990 có khoảng 500 cuốn sách về toàn cầu hoá đã được xuất bản. Trong khoảng thời gian từ 2000 đến 2004, có hơn 4.000 cuốn. Trên thực tế, khoảng thời gian từ giữa năm 1990 đến 2003, cứ 18 tháng các tiêu đề sách liên quan tới toàn cầu hoá lại nhiều hơn gấp đôi.

Trong tất cả những cuốn sách đó, một số cuốn sách về chủ đề này đã được sắp xếp nhằm thu hút sự chú ý đáng kể. Trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình gần đây, câu hỏi đầu tiên mà tôi được hỏi là - khá nghiêm túc – *Tại sao tôi vẫn nghĩ thế giới là tròn?* Người phỏng vấn hiển nhiên ám chỉ tới chủ đề của cuốn sách đang bán chạy nhất *Thế giới*

(*) GS. Trường Kinh doanh Barcelona và Trường Kinh doanh Harvard).

là phẳng (*The world is flat*) của nhà báo Thomas L. Friedman của tờ *New York Times*. Friedman khẳng định rằng 10 nhân tố – phần lớn trong đó giúp cho sự liên kết và hợp tác từ xa – đang “làm phẳng” Trái đất và san bằng sân chơi cạnh tranh toàn cầu, những điều như vậy thế giới chưa bao giờ chứng kiến.

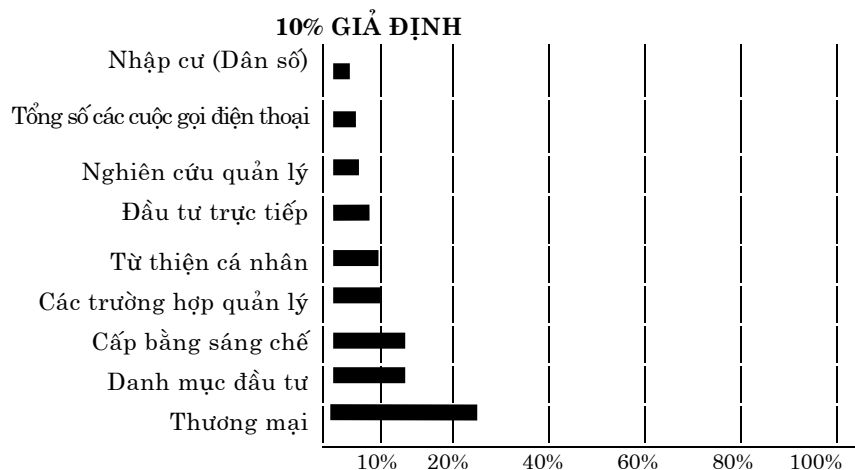
Điều đó nghe có vẻ thuyết phục. Nhưng những khẳng định của Friedman chỉ đơn giản là những điều mới nhất trong một loạt viễn cảnh phóng đại bao gồm cả viễn cảnh về “Sự kết thúc của lịch sử” và “sự hội tụ của các thị hiếu”. Một số tác giả theo xu hướng này xem toàn cầu hóa là một điều tốt lành – một lối thoát ra khỏi những rạn nứt mang tính bộ lạc cổ xưa – cái đã chia rẽ con người, hoặc đó là một cơ hội để bán cùng một thứ hàng hóa cho tất cả mọi người trên Trái đất. Một số tác giả khác thì thương xót cho sự lan rộng như căn bệnh ung thư của toàn cầu hóa, một quá trình mà ở giai đoạn cuối của nó mọi người sẽ dùng cùng một loại thức ăn nhanh. Những tranh cãi của họ chủ yếu được miêu tả bởi những lời kêu gọi cảm tính hơn là lý trí, một sự tin tưởng vào lời tiên đoán, theo hướng ký hiệu học (coi mọi vật đều là 1 ký hiệu), chú trọng vào công

nghệ như thứ định hướng cho sự thay đổi, nhấn mạnh vào giáo dục nhằm tạo ra những con người “mới” và có lẽ hơn hết là lớn tiếng kêu gọi sự chú ý. Nhưng tất cả các tác giả có một điểm chung: họ đã sai lầm.

Sự thực là, thế giới không được kết nối như các tác giả đã khiến chúng ta tin thế. Mặc dù nói tới một thế giới mới, gắn kết, trong đó thông tin, ý tưởng, tiền bạc và người dân có thể chuyển dịch trên khắp hành tinh nhanh hơn bao giờ hết, thì cũng chỉ một chút của những gì mà chúng ta cho là toàn cầu hóa là thực sự tồn tại. Hình ảnh nổi lên từ việc xem xét kỹ lưỡng cách thức mà các công ty, người dân và các nhà nước tương tác cho thấy một thế giới mới chỉ đang bắt đầu nhận thấy tiềm năng của hội nhập toàn cầu thực sự. Và điều mà những người ủng hộ xu hướng này sẽ không nói cho các bạn là tương lai của toàn cầu hóa mong manh hơn so với bạn biết.

10% giả định

Một số thành phố chỉ phối hoạt động tài chính quốc tế như Frankfurt, Hong Kong, New York đang ở đỉnh cao của sự hội nhập toàn cầu hiện đại; điều đó cho thấy rằng, các thành phố đã được liên kết gắn bó với nhau khá tốt.



Các cấp độ quốc tế hoá ở các quốc gia công nghiệp hoá

Nhưng khi bạn xem xét các số liệu, bức tranh cho thấy đó là sự liên kết cao nhất cũng là ở cấp địa phương, chứ không phải là một thế giới phẳng. Những dữ liệu đó tiết lộ điều gì? Phần lớn các loại hình hoạt động kinh tế, cái có thể được thực hiện hoặc trong nước hoặc giữa các nước, hóa ra là vẫn khá tập trung ở trong nước.

Câu tâm niệm ưa thích của những người đi đầu về toàn cầu hóa là làm cách nào để “sự đầu tư không có biên giới”. Nhưng liệu có bao nhiêu trong số tất cả các nguồn vốn đang được đầu tư trên khắp thế giới được thực hiện bởi các công ty ngoài nước? Thực tế là, tổng số lượng cơ cấu vốn của thế giới được tạo ra từ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đã giảm xuống dưới 10% trong 3 năm qua, theo như các dữ liệu trong bảng biểu (2003-2005). Nói cách khác, hơn 90% các khoản đầu tư cố định trên khắp thế giới vẫn là ở trong nước. Và cho dù những làn sóng hợp nhất có thể đẩy tỉ lệ lên cao hơn, thì nó cũng chưa từng đạt tới 20%. Trong một môi trường đã toàn cầu hóa một cách sâu rộng thì người ta ước tính con số này sẽ cao hơn nhiều, khoảng 90% - theo tính toán của tôi. Và FDI không phải là một ví dụ bất thường hay không điển hình.

Theo mô tả ở bảng trên, các cấp độ quốc tế hóa được gắn với tình trạng di cư, các cuộc điện thoại, nghiên cứu quản lý và giáo dục, việc làm từ thiện có tính cá nhân, việc cấp bằng sáng chế, đầu tư chứng khoán, và thương mại xuyên biên giới, như là một phần trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tất cả đạt mức gần 10% hơn so với 100%. Sự ngoại lệ lớn nhất trong những giai đoạn tuyệt đối - tỉ lệ thương mại so với GDP thể hiện ở cuối bảng biểu – rút xuống gần đến mức 20%, nếu bạn điều chỉnh theo những cách tính gấp đôi cụ thể. Như

vậy, nếu ai đó đề nghị tôi dự đoán cấp độ quốc tế hóa của một hoạt động nào đó mà tôi không có thông tin đặc biệt nào, tôi chỉ có thể dự đoán rằng nó sẽ tiến tới gần mức 10% hơn so với 100% - mức trung bình đơn vị của 9 hạng mục liệt kê trong bảng dữ liệu trên. Tôi gọi điều này là “10% giả định”.

Nói rộng ra, những phân tích trên và dữ liệu khác về sự hội nhập xuyên biên giới cho thấy một thế giới đã toàn cầu hóa một nửa, trong đó không có cây cầu hay rào cản nào giữa các quốc gia có thể bị bỏ qua. Từ khía cạnh này, vấn đề gây ngạc nhiên nhất trong nhiều bài viết về toàn cầu hóa là mức độ cường điệu về toàn cầu hóa. Tóm lại, ngày nay cấp độ quốc tế hóa trên thế giới gần như là một trật tự có tầm quan trọng thấp hơn so những gì đã được vạch ra bởi những người đề xướng toàn cầu hóa.

Bảo hộ quốc gia mạnh

Nếu bạn chấp nhận các quan điểm cực đoan hơn của những người thắng thế ủng hộ toàn cầu hóa, có lẽ bạn trông chờ thấy được một thế giới mà ở đó biên giới quốc gia không còn phù hợp, và công dân ở đó ngày càng coi mình như các thành viên của những thực thể chính trị rộng lớn hơn bao giờ hết. Chính xác là, công nghệ truyền thông đã được cải thiện một cách nhanh chóng trong suốt 100 năm qua. Giá cước cuộc điện thoại 3 phút từ New York tới London giảm từ 350 USD năm 1930 xuống còn khoảng 40 cents năm 1999, và hiện nay là đang đạt tới mức không cho cuộc gọi qua Internet. Và chính Internet cũng chỉ là một trong số những hình thức liên lạc mới hơn đã tiến bộ hơn nhiều lần so với dịch vụ điện thoại cũ, đơn giản trước kia. Tốc độ cải tiến này đã thôi thúc những tuyên bố sôi nổi về tốc độ hội nhập toàn cầu. Nhưng nó

là một bước nhảy lớn để chuyển từ việc tiên đoán về những thay đổi như vậy sang việc khẳng định rằng việc giảm giá thành truyền thông sẽ xóa tan những tác động của khoảng cách. Mặc dù những rào cản về các đường biên giới đã giảm một cách đáng kể, nhưng chúng vẫn chưa hoàn toàn biến mất hẳn.

Để hiểu rõ tại sao, hãy xem xét công nghệ phần mềm của Ấn Độ – một nội dung ưa thích của Friedman và những người khác. Friedman trích dẫn lời Nandan Nilekani, CEO của hãng lớn thứ 2 trong ngành công nghiệp này, Infosys, đã tạo cảm hứng cho ông hình thành ý niệm về một thế giới phẳng. Nhưng những gì Nilekani đã chỉ ra một cách độc lập là, trong khi hiện nay các nhà lập trình phần mềm của Ấn Độ có thể phục vụ cho công việc tận bên Mỹ từ trong nước, thì sự tiếp cận đã phần nào được bảo đảm bởi nguồn vốn của Mỹ đang được đầu tư một cách tập trung cho triển vọng đó. Nói cách khác, thành công của nền công nghiệp IT Ấn Độ là không tránh khỏi những kiểm chế về chính trị và địa lý. Quốc gia của những vấn đề mang tính bản chất – thậm chí đối với cả vấn đề vốn, cái thường được cho là phi chính phủ.

Hay khi xem xét hãng phần mềm lớn nhất Ấn Độ, Công ty dịch vụ tư vấn Tara (TCS), Friedman đã viết ít nhất 2 cột báo trên tờ *New York Times* về các hoạt động ở Mỹ Latinh của TCS: “Trên thế giới ngày nay, việc thuê một người Hungary-Uruguay lãnh đạo một công ty Ấn Độ để cung cấp dịch vụ cho các ngân hàng của Mỹ với các kỹ sư người Montevidean, được quản lý bởi các nhà khoa học kỹ thuật người Ấn Độ – những người đã học cách ăn món rau của người Uruguay, chỉ là sự bình thường mới mẻ”, Friedman viết như vậy. Có lẽ thế.

Nhưng câu hỏi thực sự là *Tại sao công ty này lại thiết lập các hoạt động như vậy trước tiên?* Vì đã từng là một nhà cố vấn chiến lược cho TCS từ năm 2000, tôi có thể xác nhận rằng, những lý do có liên quan tới sự áp đặt về thời gian, ngôn ngữ và nhu cầu gắn kết với các hoạt động tại địa phương của các đối tác đã thể hiện rõ trong quyết định đó. Điều này khác xa so với thế giới mà những người đề xướng toàn cầu hoá thường trích dẫn. Trong thế giới đó địa lý, ngôn ngữ và khoảng cách không quan trọng.

Hiển nhiên các dòng chảy thương mại minh chứng rõ cho luận thuyết đó. Xét tới hoạt động thương mại Mỹ-Canada, mối quan hệ song phương lớn nhất trong loại hình này trên thế giới. Năm 1988, trước khi Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) có hiệu lực, các mức thương mại hàng hóa giữa các thành phố của Canada, chỉ ở trong nước, được ước tính là lớn gấp 20 lần so với hoạt động thương mại của họ với các bang của Mỹ có khoảng cách và quy mô tương tự. Nói cách khác, đã có một “khuyh hướng trong nước” không thể thiếu. Cho dù NAFTA đã hỗ trợ giảm tỉ lệ thương mại trong nước so với thương mại quốc tế - khuyh hướng trong nước – từ 10 xuống còn 1 vào giữa những năm 1990, thì ngày nay nó vẫn vượt qua giới hạn từ 5 xuống 1. Và những tỉ lệ này chỉ đối với vấn đề hàng hóa; còn đối với dịch vụ, tỉ lệ này vẫn lớn hơn vài lần. Rõ ràng là, biên giới trong các “thế giới dường như không có đường biên” của chúng ta vẫn quan trọng đối với nhiều người.

Những đường biên giới mang tính địa lý vẫn tồn tại ở khắp mọi nơi, chúng thậm chí mở rộng ra không gian mạng. Nếu có một vương quốc mà ở đó những đường biên trở thành vô nghĩa và những người đề xuất toàn cầu hoá cần chính

xác trong các mô hình lạc quan thái quá của họ thì nó phải là Internet. Tuy vậy, lưu chuyển web nội trong các quốc gia và khu vực đã tăng nhanh hơn nhiều so với lưu chuyển web giữa các quốc gia, khu vực. Cũng như trong thế giới thực, Internet liên kết tình trạng sa sút với khoảng cách. Người dân trên khắp thế giới có thể ngày càng được kết nối nhiều hơn, nhưng hiện họ không kết nối với nhau. Người sử dụng web ở mức trung bình ở Hàn Quốc có thể dành vài giờ một ngày để vào mạng – theo lý thuyết, được kết nối với phần còn lại của thế giới – nhưng anh ta hầu như chỉ tán chuyện với bạn bè ở khắp thành phố và gửi thư điện tử cho gia đình trên khắp đất nước chứ không trò chuyện với ai đó đang lướt web ở Los Angeles. Chúng ta được gắn kết nhiều hơn, nhưng không có “tính toàn cầu” nhiều hơn.

Thử nhìn vào Google, Google tự hào về việc hỗ trợ hơn 100 ngôn ngữ, và phần nào kết quả đã cho thấy, gần đây họ đã đạt vị trí là trang web được toàn cầu hóa nhất. Nhưng hoạt động của Google ở Nga (quê hương của Sergay Brin – người đồng sáng lập công ty) chỉ đạt 28% thị trường so với 64% của Yandex- công ty hàng đầu trên thị trường Nga trong các dịch vụ tìm kiếm, và 53% của Rambler.

Phải thừa nhận rằng, 2 đối thủ cạnh tranh tại địa phương (Nga) này chiếm tới 91% thị trường Nga trong lĩnh vực quảng cáo trực tuyến được liên kết với các công vụ tìm kiếm trên web. Điều gì đã ngăn cản sự khuyếch trương thị trường của Google ở Nga? Lý do lớn nhất là sự khó khăn trong việc thiết kế một chương trình tìm kiếm để xử lý những phức tạp về ngôn ngữ trong tiếng Nga. Thêm vào đó, các đối thủ cạnh tranh tại địa phương này thích hợp hơn

ở thị trường Nga, ví dụ như việc phát triển các phương thức thanh toán thông qua các ngân hàng truyền thống để bù đắp cho việc thiếu thẻ tín dụng. Và, mặc dù Google đã vươn lên gấp đôi kể từ năm 2003, thì tại Nga nó cũng đã phải lập một văn phòng ở Moscow và thuê các kỹ sư phần mềm người Nga, hành động này nhấn mạnh tầm quan trọng tiếp theo của vị trí mang tính vật lý. Thậm chí cho đến nay, các đường biên giữa các quốc gia định rõ – và kiểm chế – những động thái của chúng ta nhiều hơn là toàn cầu hóa phá vỡ những điều đó.

Quay ngược thời gian

Nếu toàn cầu hóa là một giai đoạn chưa tương xứng cho trạng thái hội nhập hiện tại, thì sự đáp trả hiển nhiên là: dù hôm nay thế giới không phẳng, thì nó cũng sẽ phẳng vào ngày mai. Để đáp lại, chúng ta phải xem xét các xu hướng hơn là các mức độ hội nhập ở một thời điểm cụ thể. Kết quả rất đáng chú ý. Ở một số phương diện, sự hội nhập đã đạt tới mức cao chưa từng thấy từ nhiều năm trước. Ví dụ, những tính toán sơ bộ cho thấy số lượng người di cư quốc tế dài hạn đã lên tới 3% dân số thế giới vào năm 1990 – mức cao nhất của một kỷ nguyên di cư ban đầu – trái với tỉ lệ 2.9% năm 2005.

Trên một số phương diện khác, những kỷ lục mới thực sự đã được thiết lập. Nhưng sự tăng trưởng này đã diễn ra chỉ mới gần đây, chỉ sau những giai đoạn đình trệ và đảo lộn kéo dài. Ví dụ, các khoản vốn FDI phân chia theo GDP đã đạt mức đỉnh trước Chiến tranh Thế giới I và cho đến tận những năm 1990 mới quay lại được mức đó. Một số chuyên gia kinh tế cho rằng sự phát triển đáng chú ý nhất sau một giai đoạn dài chính là sự giảm sút về cấp độ quốc

tế hóa giữa hai cuộc thế chiến. Và mặc dầu có nhiều kỷ lục đang được lập, thì mức độ tập trung thương mại hiện này lại đang rơi vào tình trạng không trọn vẹn, như dữ liệu thương mại của Canada-Mỹ đã cho thấy rõ. Thực tế là, khi các chuyên gia kinh tế thương mại xem xét các dữ liệu đó, họ ngạc nhiên không phải về lưu lượng hoạt động thương mại đã đạt được, mà họ ngạc nhiên về mức độ ít ỏi của hoạt động này.

Cũng sẽ thật hữu ích khi tìm hiểu cái động lực lớn lao mà những người đề xướng toàn cầu hoá quy cho những thay đổi về chính sách khiến cho nhiều nước - đặc biệt là Trung Quốc, Ấn Độ và Liên Xô cũ tham gia rộng rãi hơn vào nền kinh tế. Một trong số các mô tả được nghiên cứu tốt hơn về những thay đổi chính sách này và những ẩn ý của chúng đã được 2 chuyên gia kinh tế Jeffrey Sachs và Andrew Warner đưa ra: “Những năm từ 1970 đến 1995, và đặc biệt là thập niên vừa qua, đã được chứng kiến sự hòa hợp thể chế và sự hội nhập kinh tế đáng chú ý nhất giữa các quốc gia trong lịch sử thế giới. Trong khi hội nhập kinh tế đã ngày một tăng trong suốt những năm 1970 và 1980, thì vấn đề hội nhập lại mới chỉ trở nên gay gắt từ sau sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản năm 1989. Năm 1995, một hệ thống kinh tế toàn cầu có ảnh hưởng lớn đang nổi lên”.

Vậy, những khởi đầu về chính sách đó là quan trọng. Nhưng để mô tả chúng như một sự biến đổi to lớn là không hề chính xác. Hãy nghĩ tới 10% giả định, và sự hội nhập đó chỉ mới đang bắt đầu. Những chính sách mà chúng ta, những người hay thay đổi, ban hành là những chính sách có thể đảo ngược một cách đáng kinh ngạc. Vì vậy, tác phẩm *Sự kết thúc của lịch sử* (*The end of history*) của

Francis Fukuyama, mà trong đó dân chủ tự do và chủ nghĩa tư bản bị công nghệ chi phối được cho là đã giành được thắng lợi trước các hệ tư tưởng khác, ngày nay dường như đã khá lỗi thời. Ngay sau sự kiện 11/9/2001, cuốn sách của Samuel Huntington – *Sự đụng độ của các nền văn minh* (*Clash of civilizations*) ít nhất đã có tính dự báo nhiều hơn. Nhưng dù là bạn đang ở trên cùng mặt bằng kinh tế, như phần lớn những gì Sachs và Warner chỉ ra, bạn sẽ nhanh chóng nhận thấy bằng chứng trái ngược với tính chất quyết định đã được gán cho những khởi đầu về chính sách.

Cái gọi là sự đồng thuận Washington trong các chính sách thân thiện với thị trường đã vấp phải cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á năm 1997 và từ đó về bản chất đã trở nên căng thẳng – ví dụ như trong trào lưu hướng tới chủ nghĩa dân túy ở nhiều nước châu Mỹ Latinh. Về những kết quả kinh tế, số lượng các nước – ở Mỹ Latin, vùng biển châu Phi và Liên Xô cũ - đã rút khỏi “nhóm hội tụ” (được xác định theo năng suất đang thu hẹp và các khoảng cách về cấu trúc trong mối quan hệ với các quốc gia công nghiệp hoá đã phát triển) ít nhất cũng gây được ấn tượng ngang bằng số lượng các nước đã gia nhập nhóm. Ở cấp độ đa phương, sự đình trệ của Vòng đàm phán thương mại Doha mùa hè 2006 – vấn đề đã thúc đẩy tờ báo *The Economist* tung ra cuốn sách với tựa đề *Tương lai của toàn cầu hoá* (*The future of globaliztaion*) và mô tả một vụ đắm tàu – không dự báo điều gì tốt đẹp. Ngoài ra, làn sóng liên kết và tiếp nhận xuyên biên giới gần đây dường như đang khuyến khích chủ nghĩa bảo hộ nhiều hơn, trong phạm vi nhiều quốc gia hơn, so với làn sóng đã có trước đây vào cuối những năm 1990.

Đương nhiên, khi những quan điểm về những khía cạnh này trong khoảng 10 năm qua đã chuyển dịch, thì có một cơ hội tốt để chúng có thể dịch chuyển thêm lần nữa trong thập kỷ tới. Vấn đề ở đây là, khó có thể quay ngược thời gian đối với những chính sách thân toàn cầu hóa, nhưng lại tương đối dễ dàng để hình dung việc nó diễn ra. Cụ thể là, chúng ta phải tính đến khả năng là sự hội nhập kinh tế quốc tế sâu sắc có thể vốn đã không tương hợp với chủ quyền quốc gia - đặc biệt là theo xu hướng ủng hộ chủ nghĩa bảo hộ nhiều hơn của các cử tri ở nhiều quốc gia, bao gồm cả những nước tiên tiến. Theo ý kiến của Jeff Immelt, CEO của GE, đưa ra vào cuối năm 2006 “Nếu bạn đưa toàn cầu hóa ra bỏ phiếu quyết phổ thông ở Mỹ, nó sẽ thất bại”. Và cho dù sự hội nhập xuyên biên giới vẫn tiếp tục phát triển thì con đường từ đây tới đó không chắc êm ả và dễ dàng, rất có khả năng sẽ có những cú sốc hoặc những chu kỳ, rất có khả năng, và thậm chí có thể là giai đoạn trì trệ hoặc đảo lộn khác sẽ kéo dài trong nhiều thập kỷ. Đây có lẽ không phải là điều chưa từng xảy ra trong lịch sử.

Những người ủng hộ toàn cầu hóa đang mô tả về một thế giới không tồn tại. Thật là một chiến lược tốt để bán sách và thậm chí để mô tả một môi trường đầy tiềm năng mà một ngày nào đó có thể tồn tại. Bởi vì những câu chuyện ảo tưởng tràn lan như thế có xu hướng tồn tại tương đối ngắn, thậm chí ngay cả khi chúng đạt tới sự thịnh hành rộng khắp, nên đơn giản là ta cũng có thể chờ đợi điều này sẽ chấm dứt. Nhưng những điểm mục tiêu còn quá cao xa cho điều đó. Các chính phủ tham gia vào thế giới phẳng dường như quá chú ý tới “sự ràng buộc vàng” mà Friedman đã nhấn mạnh trong cuốn sách trước đó của ông ta, *Chiếc Lexus và cây ôliu (The Lexus and the Olive tree)*, cuốn sách được cho là đã khẳng định rằng nền kinh tế của một quốc gia ngày càng có ý nghĩa, còn vấn đề chính trị ngày càng ít quan trọng. Việc ủng hộ viễn cảnh về một thế giới hội nhập – hoặc tồi tệ hơn là việc dùng nó làm nền tảng cho việc lập ra chính sách – không chỉ là không hữu ích mà nó còn thực sự nguy hiểm.

(tiếp theo trang 6)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc các kỳ VI, VII, VIII, IX, X.
2. Kinh tế Việt Nam 20 năm đổi mới - Thành tựu và những vấn đề đặt ra. H.: Đại học Kinh tế quốc dân, 2006.
3. Chuyên đề nghiên cứu Nghị quyết Đại hội X của Đảng. H.: Chính trị quốc gia, 2006.
4. Tài liệu tập huấn vận dụng Nghị quyết Đại hội X. H.: Viện Kinh tế chính trị, 2006.
5. Khoa Quản lý kinh tế, Học viện Chính trị khu vực II. Quản lý kinh tế. H.: Lý luận chính trị, 2003.
6. Đỗ Thế Tùng. Những vấn đề mới vận dụng trong giảng dạy môn kinh tế chính trị theo tinh thần Đại hội X. Kỷ yếu của Viện Kinh tế chính trị (Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). 2006.

